

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SƠN DƯƠNG  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15/9/2022

*“V/v: Hủy hôn nhân trái pháp luật”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG**  
***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Hồng Chiến.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Cao Lâm và ông Nguyễn Sơn Hải.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 238/2022/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 về việc *“Hủy hôn nhân trái pháp luật”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62<sup>a</sup>/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 50<sup>a</sup>/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý Thị X, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

*(vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)*

- Bị đơn: Anh Bàn Văn H, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

*(vắng mặt không có lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị X. và anh Bàn Văn H. kết hôn với nhau vào năm 1998, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nơi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 01 tháng 01 năm 1998. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống và làm việc tại xã T,

huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tháng 4/2022 chị Lý Thị X. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bàn Văn H.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lý Thị X. trình bày: Chị và anh Bàn Văn H. kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống làm việc tại xã T. đến năm 2015 anh H. có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung. Nay chị có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bàn Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bàn Thị S, sinh ngày 08/01/1999 và Bàn Quang T, sinh ngày 10/4/2002. Các con chung đã trưởng thành, cháu S. hiện đã lấy chồng có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, đất đai chung: Chị Lý Thị X. xác định tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị Lý Thị X. xác định không vay nợ của ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Kết quả xác minh thể hiện:* Anh Bàn Văn H. có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Anh Bàn Văn H. và chị Lý Thị X. kết hôn với nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống và làm việc tại thôn Đ, xã T, huyện S. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc sau phát sinh mâu thuẫn, anh chị đã từng gửi đơn ly hôn ra Tòa án xong lại rút đơn về. Hiện tại anh H. đi làm ăn xa, khi đi anh không báo chính quyền địa phương, không khai báo tạm trú tạm vắng nên không xác định được địa chỉ, hiện tại anh H. không có mặt ở địa phương.

Anh Bàn Văn H. hiện đi làm ăn xa, không có mặt ở địa phương, không xác định được địa chỉ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương không triệu tập được anh H. đến trụ sở Tòa án để lấy lời khai, chỉ tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ mà không tiến hành phiên hòa giải được.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Chị Lý Thị X. và anh Bàn Văn H. kết hôn vào năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, khi đăng ký kết hôn cả chị X. và anh H. chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định nên hôn nhân của anh chị vi

phạm điều kiện kết hôn, là hôn nhân không hợp pháp. Căn cứ vào Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị HĐXX tuyên bố hủy hôn nhân trái pháp luật giữa chị Lý Thị X. với anh Bàn Văn H.; về con chung, tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện chị Lý Thị X, sinh năm 1981 đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bàn Văn H, sinh năm 1980; không đề nghị giải quyết về con chung, tài sản, công nợ chung. Chị X. và anh H. đăng ký kết hôn ngày 01/01/1998, khi đăng ký kết hôn anh H. và chị X. chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định. Căn cứ kết quả xác minh thể hiện bị đơn anh Bàn Văn H. có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, hiện anh H. đi làm ăn xa, không xác định được địa chỉ. Do vậy, quan hệ pháp luật ở đây được xác định là Hủy hôn nhân trái pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn nhưng anh H. không đến làm việc, đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ và trốn tránh nghĩa vụ. Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại các Điều 28, 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lý Thị X. vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn anh Bàn Văn H. vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị X. và anh Bàn Văn H. kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Theo Trích lục kết hôn số 31/TLKH-BS ngày 16/3/2022 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang thể hiện chị X. và anh H. đăng ký kết hôn vào ngày 01/01/1998. Theo Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình, xác nhận về thông tin cư trú thể hiện chị Lý Thị X. sinh ngày 12/8/1981, anh Bàn Văn H. sinh ngày 25/10/1980. Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 quy định: “*Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn*”. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị X. mới được 16 tuổi 04 tháng 19 ngày, anh H. mới được 17 tuổi 02 tháng 06

ngày; cả chị X. và anh H. đều chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định. Do vậy, việc đăng ký kết hôn giữa chị X. và anh H. vi phạm điều kiện kết hôn, là hôn nhân trái pháp luật.

Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Hiện tại anh H. không có mặt ở địa phương. Điểm b khoản 2 Điều 4 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Nếu một hoặc hai bên yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc có một bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân hoặc có một bên yêu cầu ly hôn còn bên kia không có yêu cầu thì Tòa án quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật. Trường hợp có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thì quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên từ thời điểm kết hôn đến thời điểm hủy việc kết hôn trái pháp luật được giải quyết theo quy định tại Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình”*.

Căn cứ theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT ngày 06/01/2016 có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị X. tuyên hủy hôn nhân trái pháp luật giữa chị Lý Thị X. với anh Bàn Văn H.

- Về con chung: Chị Lý Thị X. và anh Bàn Văn H. có 02 con chung là Bàn Thị S, sinh ngày 08/01/1999 và Bàn Quang T, sinh ngày 10/4/2002. Cháu S. và cháu T. đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về con chung.

- Về tài sản, đất đai chung: Chị Lý Thị X. và anh Bàn Văn H. không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

- Về công nợ chung: Chị Lý Thị X. và anh Bàn Văn H. không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Lý Thị X. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 5 - Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 11, 12 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

***Tuyên xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Hủy Hôn nhân trái pháp luật giữa chị Lý Thị X. với anh Bàn Văn H. Chị Lý Thị X. và anh Bàn Văn H. chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Lý Thị X. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002139 ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Chị Lý Thị X. đã nộp đủ án phí của vụ án.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND xã T.;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Hồng Chiến**